

Tổng luận đầu sách

Champa là vương quốc thuộc nền văn minh Ấn Giáo nằm trên dải đất ở miền trung Việt Nam, chạy dài từ cửa Hoàng Sơn (Quảng Bình) đến biên giới Sài Gòn hiện nay. Tên gọi của vương quốc Champa xuất hiện lần đầu tiên trên bia ký Mỹ Sơn dưới thời vua Sambhuvarman vào năm 629 và trên bia ký Ang Chumnik của Campuchia vào năm 667¹.

Dựa vào nguồn tư liệu của Trung Hoa, học giả R. Stein² cho rằng Champa là hậu duệ của vương quốc Lin Yi (Lâm Ấp) được hình thành vào cuối thế kỷ thứ II. Năm 758, danh xưng nước Lin Yi (Lâm Ấp) biến sang một tên gọi mới là Hoàng Vương. Năm 877, vương quốc Hoàng Vương thay đổi danh xưng thành Chiêm Thành, tức là tên gọi phiên âm từ chữ Champapura (Chiêm = Champa, Thành = pura)³, một vương quốc có cùng biên giới với Đại Việt ở phương bắc.

Champa là vương quốc chịu ảnh hưởng Ấn Giáo rất sâu đậm. Tôn giáo chính được tôn thờ trong triều đình Champa là Bà La Môn Giáo với thần Shiva là đấng tối cao⁴, sau đó là thần Vishnu. Tuy nhiên, phật giáo Đại Thừa cũng từng phát triển mạnh mẽ vào một thời kỳ ở vương quốc này. Nhiều đền đài tôn giáo, cung điện của vua chúa cũng như di tích lịch sử còn tồn tại ở miền trung Việt Nam hôm nay đã chứng minh rằng Champa là vương quốc có một nền văn minh cao độ trong tiến trình hình thành các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á⁵.

¹ L. Finot, 1903, tr. 206; G. Maspero, 1928, tr. 2.

² S. Stein, 1947.

³ G. Maspero, 1928, tr. 43 ; G. Coedes, 1964, tr. 134.

⁴ P. Stern, 1942, tr. 103.

⁵ L. Finot, I, 1901 ; Lunet de la Jonquière E. 1901 ; H. Parmentier, 1909 & 1919 ; P. Stern, 1942 ; J. Leuba, 1932 ; J. Boisselier, 1963.

Tổng luận đầu sách

Theo tư liệu viết bằng Phạn ngữ trên bia ký và Chăm ngữ, Champa không phải là vương quốc trung ương tập quyền như cơ chế chính trị ở Việt Nam hay Trung Hoa thời trước, mà là một quốc gia liên bang. Mỗi tiểu bang được hưởng quyền tự trị khá rộng rãi. Tùy theo thời kỳ, vương quốc Champa tập trung 5 tiểu bang⁶ như sau:

- Indrapura (vùng Quảng Bình, Quảng Trị)
- Amaravati (vùng Quảng Nam, Thừa Thiên)
- Vijaya (Bình Định)
- Kauthara (Phú Yên, Khánh Hòa)
- Panduranga (Phan Rang, Phan Rí) có thủ đô là Virapura.

Panduranga là tiểu vương quốc ở miền nam Champa xuất hiện lần đầu tiên trên bia ký vào năm 739 Saka, tức là 817 dương lịch⁷. Tiểu bang Panduranga có lúc bao trùm cả Kauthara⁸, một thánh địa thiêng liêng nơi có đền Po Ina Nagar (Thánh Mẫu của vương quốc). Và đôi lúc Kauthara cũng tự tách rời ra khỏi Panduranga để hình thành một tiểu bang thứ năm của Champa⁹.

Theo tư liệu Trung Hoa¹⁰, đứng đầu của mỗi tiểu vương quốc thường có hai quan lại cao cấp được tấn phong nắm quyền điều hành khu vực của mình¹¹. Nhưng xứ

⁶ G. Maspero, 1928, tr. 24 ; H. Parmentier, 1903, tr.3 ; L. Finot, 1904, tr. 102 và 112.

⁷ A. Barth & A. Bergaigne, 1893, tr. 266.

⁸ A. Barth & A. Bergaigne, 1893, tr. 244-246. Theo P. Pelliot (1904, tr. 216), tài liệu Trung Hoa gọi tiểu vương quốc Kauthara (Khánh Hòa) là Koutan.

⁹ A. Bergaigne, 1888, tr. 51.

¹⁰ Theo Song Che và Wen Hien T'ong K'ao (G. Maspero, 1928, tr. 27).

¹¹ L. Finot (Mélanges Kern, 1903, tr. 386) cho rằng Panduranga là một quốc gia phong kiến thuộc về chủ quyền của Champa, đặt dưới quyền

Tổng luận đầu sách

Panduranga, tùy theo thời kỳ, là tiểu vương quốc có qui chế chính trị đặc biệt hơn. Vì có nhiều lúc, tiểu vương quốc này được cai trị bởi một vị thái tử (*yuvaraja*) của liên bang Champa¹². Trong quá trình của lịch sử, vua liên bang Champa cũng không ngừng tìm cách hình thành một quốc gia trung ương tập quyền. Tiếc rằng thể chế chính trị này đôi lúc cũng có sự thuận phục của một số tiểu bang, nhưng cũng có lúc phải gặp bao sự phản kháng ở địa phương, nhất là xứ Panduranga ở miền nam, một tiểu vương quốc lúc nào cũng tìm cách tách rời ra khỏi sự giám hộ của chính quyền liên bang Champa ở miền bắc để xây dựng cho mình một tiểu vương quốc tự trị và đôi lúc đòi hỏi cả chủ quyền độc lập riêng biệt.

Đứng đầu chính quyền trung ương của liên bang Champa là vị thủ lãnh mà các bia ký thường gọi là *Rajadiraja* (vua của các vị vua) mang tước phong là *Po Tana Raja* (chúa toàn cõi đất đai của vương quốc), cai trị đất nước với chiếc lọng duy nhất (*ekacchatra*), biểu tượng cho quyền lực tối cao của liên bang Champa¹³.

I. Mối liên hệ giữa Panduraga và Champa (thế kỷ thứ XI-XII)

Sự xung đột giữa chính quyền liên bang Champa và tiểu vương quốc Panduranga đã từng xảy ra trong quá khứ. Nhiều bia đá ghi lại vào năm 972 Saka (tức là năm 1050), nhân dân Panduranga đã từng nổi dậy chống lại quốc vương Champa đóng đô ở miền bắc. Sau cuộc vùng dậy này, chính quyền liên bang Champa thường xếp dân cư Panduranga vào

cai trị bởi một phó vương (*Adhipati*) nhưng mang hai chức phong đó là Chúa Panduranga (*Panduragesvara*) và Đại Tướng (*Senapati*).

¹² Bia ký Po Nagar Nha Trang (G. Maspero, 1928, tr. 27).

¹³ Xem bia ký Mỹ Sơn (G. Maspero, 1928, tr. 23). Champa là quốc gia có hệ thống tổ chức chính trị theo thể chế phong kiến, không ngăn cấm phong trào đòi tự trị tại một số khu vực trong vương quốc liên bang này (P-B. Lafont, 1964, tr. 105-111 ; J. Boisselier, 1963, tr. 1).

Tổng luận đầu sách

nhóm người "hư hỏng, phá hoại, nông nổi, luôn luôn phản bội vua chúa Champa"¹⁴. Nhằm đảm bảo sự thuận phục lâu dài của dân chúng Panduranga đối với nhà vua Champa ở trung ương, sử gia L. Finot cho rằng lãnh thổ Panduranga "luôn luôn được đặt dưới quyền cai trị của một vị thái tử (*yuvaraja*) của liên bang Champa". Tuy nhiên chính sách dùng uy quyền thái tử để quản lý tiểu vương quốc này cũng không cản trở được ba cuộc nổi dậy ở Panduranga đã được các bia ký nhắc đến vào thế kỷ thứ 11, trong đó có một cuộc nổi dậy đặt dưới quyền lãnh đạo của một vị quan lại địa phương tự tôn mình là quốc vương Panduranga trong suốt 16 năm. Chính vì thế các bia ký Champa thường gán cho tiểu vương quốc Panduranga như là "quê hương của bao sự phiến loạn chống triều đình Champa và cũng là nơi nương thân an toàn dành cho những vị hoàng tử Champa bại trận ở miền bắc chạy sang miền nam lánh nạn"¹⁵. Theo tư liệu Song Chê của Trung Hoa được P. Pelliot¹⁶ nghiên cứu, Panduranga vào thời kỳ đó dường như có một qui chế tự trị rất là rộng rãi. Những tư liệu trên cũng giới thiệu Panduranga vào cuối thế kỷ thứ 10 như là "một vương quốc nằm trong lãnh thổ chính trị của liên bang Champa" nhưng thường mang những sản vật của địa phương để triều cống cả hai triều đình Trung Hoa và Champa thời đó¹⁷. Quy chế triều cống cả Trung Quốc lẫn liên bang Champa đã chứng minh rằng Panduranga đôi lúc cũng là một quốc gia độc lập trong tổ chức liên hiệp quốc gia (*confédération*) của liên bang Champa.

Vào cuối thế kỷ thứ XI, những bia ký ghi nhận rằng vương quốc Champa có hai đồng tộc: cây cau (*Kramula*) và

¹⁴ L. Finot, 1909, tr. 205-209 ; G. Maspero, 1928, tr. 37.

¹⁵ L. Finot, 1909, tr. 205-209 ; G. Maspero, 1928, tr. 37.

¹⁶ Song Che (thế kỷ thứ XIV) cho biết triều cống này xảy ra vào năm 997 (P. Pelliot, 1903, tr. 649).

¹⁷ Tchou Fan Che. Tài liệu này viết vào thế kỷ thứ XIII cũng nêu rằng triều cống này xảy ra vào năm 997 (P. Pelliot, 1903, tr. 650).

cây dừa (Narikela)¹⁸. Theo E. Huber, hai dòng tộc này thương gây chiến tranh để chiếm ưu thế chính trị ở vương quốc Champa thời đó. Dòng cây cau nắm quyền tối cao tại Panduranga. Ngược lại, dòng cây dừa ngự trị ở vùng phía bắc, tức là khu vực Vijaya (Bình Định) và Amaravati (Quảng Nam-Huế). Dòng cây cau ở Panduranga rất tự hào về sự tinh khiết nguồn gốc xuất sứ thị tộc của mình¹⁹. Những bia ký ở Mỹ Sơn cũng nhấn mạnh về sự kiện này bằng cách đưa ra dẫn chứng rằng hoàng tử Than (Harivarman) được tôn vinh làm quốc vương liên bang Champa tại Vijaya từ năm 1074 đến 1081 tự nhận rằng Ngài là vị hoàng tử xuất thân từ hai dòng máu: dòng tộc cây dừa ở miền bắc theo huyết thống của cha và dòng tộc cây cau ở miền nam theo huyết thống của mẹ. Và Ngài công nhận rằng chính dòng cây cau của mẹ ở Panduranga mới là "dòng giống có ưu thế đặc biệt trong vương quốc Champa" thời đó²⁰.

Khi người em trai của hoàng tử Than tên là Paramabhodisatva lên nắm chính quyền liên bang Champa vào năm 1081-1086, bia ký của đền Po Nagar tại Nha Trang có đề cập đến chiến tranh xảy ra tại vương quốc Champa thời đó. Theo bia ký này, một vị chúa tên là Rudravarman gốc người Panrang (Phan Rang) tự tôn vinh mình là quốc vương của Panduranga trong suốt 16 năm ở miền nam. Để trả lời cho cuộc nổi dậy này, vua Paramabhodisatva của liên bang Champa dẫn đoàn quân tấn công vua Rudravarman ở miền nam và "tịch thu vương miện và cửa cải" của tiểu vương quốc Panduranga. Sau cuộc thành công này, Paramabhodisatva trở

¹⁸ L. Finot (1904, tr. 937), E. Hubert (1905, tr. 175) dùng thuật ngữ thị tộc (clans) trong khi đó những tài liệu khác dùng thuật ngữ *Vamsa* ám chỉ cho thị tộc.

¹⁹ E. Hubert, 1905, tr. 175. Xem thêm G. Maspero, 1928, tr. 18.

²⁰ Bia ký Mỹ Sơn có niên đại 1080 (L. Finot, 1904, tr. 133 ; G. Maspero, 1928, tr. 143).

thành "vị vua duy nhất" của một liên bang Champa thống nhất²¹.

II. Panduranga dưới thời kỳ đô hộ của Campuchia (1145-1203)

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ XII, một chiến tranh khác giữa miền bắc và miền nam Champa lại bùng nổ một lần nữa. Theo một số bia ký ghi lại, vào năm 1145, vương quốc Campuchia tiến quân chiếm thủ đô Vijaya và giết được quốc vương Champa là Jaya Indravarman III ở chiến trường. Sau ngày tử trận của Jaya Indravarman III, hội đồng hoàng gia Champa quyết định giao vương miện quốc gia cho vua Rudravarman IV. Nhưng chưa kịp làm lễ tấn phong, vua Rudravarman IV phải chạy sang lánh nạn ở Panduranga trước sự tấn công của đoàn quân Campuchia hiện đang làm chủ tỉnh hình ở Vijaya (Đồ Bàn) thời đó²².

Trong thời gian lánh nạn ở miền nam, vua Rudravarman IV không muốn tiếp tục giữ chức quốc vương Champa nữa. Lợi dụng tình hình chính trị rối ren ở miền bắc, dân chúng Panduranga quyết định tôn vinh con trai của vị vua Rudravarman IV là hoàng tử Sivanandana lên làm quốc vương liên bang Champa vào năm 1147 “vì quyền lợi tối cao và sự phát đạt của đất nước Champa này”²³. Hoàng tử Sivanandana chấp nhận vương miện tấn phong của Panduranga để trở thành quốc vương Champa dưới danh hiệu là Jaya Harivarman I, trong lúc đó thủ đô Vijaya ở phương bắc vẫn nằm trong sự kiềm kẹp của quân đội Campuchia²⁴. Thế là nghi lễ tấn phong quốc vương liên bang Champa

²¹ E. Aymonier, 1891, tr. 33-36 ; G. Maspero, 1928, tr. 148 ; G. Coedes, 1964, tr. 248.

²² Bia ký Batau Tablah (Phan Rang), Mỹ Sơn và Po Nagar Nha Trang. Xem A. Bergaigne, 1888, tr. 83 ; E. Aymonier, 1891, tr. 39 ; L. Finot, 1904, tr. 952 ; G. Maspero, 1928, tr. 156.

²³ Bia ký Batau Tablah (E. Aymonier, 1891, tr. 39).

²⁴ G. Maspero, 1928, tr. 156.

không phải diễn ra như thông lệ ở thủ đô Vijaya, mà là thủ đô Virapura của Panduranga. Đối với triều đình Campuchia thời đó, đây là một thái độ khiêu khích của Panduranga nhằm chống lại sự hiện diện của quân đội Campuchia ở thủ đô Vijaya. Vào năm 1148, quốc vương Campuchia quyết định đem quân trừng phạt Panduranga nhưng bị thất bại. Để gỡ lại bàn cờ chính trị, quốc vương Campuchia tự làm lễ tôn vinh em rể của mình là Harideva làm quốc vương Champa tại thủ đô Vijaya (Đồ Bàn). Kể từ đó, Champa bị phân chia thành hai vùng riêng biệt. Vijaya ở phương bắc đặt dưới quyền cai trị của ông vua gốc người Campuchia. Panduranga ở phương nam có một vị quốc vương riêng của mình²⁵.

Một năm sau tức là vào năm 1149, quốc vương Panduranga quyết định tiến quân chống lại quân xâm lăng Campuchia ở thủ đô Vijaya và giết được vị vua gốc Campuchia là Harideva. Sau cuộc chiến thắng này, vua tiêu vương quốc Panduranga, thay vì rút quân về, lại tôn mình thành quốc vương tối cao của liên bang Champa ở Vijaya²⁶. Cuộc tấn phong này không được dân chúng Champa ở miền bắc ủng hộ, vì họ cho rằng vua Panduranga chỉ biết lợi dụng tình thế chính trị đem quân dẹp bọn xâm lăng Campuchia ở Vijaya nhằm đoạt ngôi ở miền bắc²⁷. Chính vì thế, có nhiều cuộc nổi dậy ở khu vực Amaravarti chống lại sự hiện của vua Panduranga ở thủ đô Vijaya vào năm 1151. Bốn năm sau, nhân dân Panduranga cũng vùng dậy chống lại tập đoàn vua chúa Champa nắm chính quyền ở Vijaya, miền bắc²⁸.

Vào cuối thế kỷ thứ XII tức là sau ngày tử trận của Harideva ở Vijaya vào năm 1149, quốc vương Campuchia là Jayavarman VII (1181-1218) muốn trả thù cho sự thất bại này, quyết định xua quân chinh phạt Champa vào năm 1190.

²⁵ G. Maspero, 1928, tr. 157.

²⁶ G. Maspero, 1928, tr. 158.

²⁷ G. Maspero, 1928, tr. 159.

²⁸ G. Maspero, 1928, tr. 159.

Tổng luận đầu sách

Sau ngày chiến thắng, vua Jayavarman VII chia vương quốc Champa thành hai khu vực hành chính riêng biệt. Vijaya ở phía bắc đặt dưới quyền cai trị của hoàng tử In, gốc người Champa nhưng là anh rể của vua Campuchia và tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam đặt dưới quyền cai trị của hoàng tử Sri Vidyanandana, gốc người Tumpraukvijaya (Bình Định), đã từng lánh nạn ở Campuchia từ 1182. Sri Vidyanandana lên ngôi ở Panduranga, lấy danh hiệu là Suryavarmadeva. Kể từ đây, vương quốc Champa hoàn toàn đặt dưới quyền đô hộ của Campuchia.

Vì không chấp nhận sự thống trị Campuchia, một vị hoàng tử xuất thân từ vùng Vijaya tên là Rashupati kêu gọi quần chúng vùng dậy vào năm 1191 truất phế hoàng tử In, anh rể của quốc vương Campuchia. Trước tình hình rối ren này, vua tiểu vương quốc Panduranga là Suryavarmadeva²⁹, với sự hỗ trợ của quân đội Campuchia, tiến quân giải phóng Vijaya và giết được Rashupati tại chiến trường. Một bia ký Mỹ Sơn kê lại rằng, sau ngày chiến thắng, Suryavarmadeva gạt bỏ vai trò Campuchia trong trận chiến này, tự tôn vinh mình là quốc vương tối cao Champa³⁰, quyết định năm 1192 sáp nhập hai tiểu vương quốc Vijaya và Panduranga thành một liên bang Champa như trước³¹. Để trả lời cho thái độ này, vua Campuchia là Jayamarman VII gửi một đoàn quân hùng mạnh sang Vijaya vào năm 1193 để chinh phạt vua Suryavarmadeva. Mãi cho đến năm 1203, thủ đô Vijaya mới bị thất thủ và vua Suryavarmadeva chạy sang Đại Việt để lánh nạn³².

Cũng trong giai đoạn này, vấn đề Panduranga lại xuất hiện một lần nữa trong tư liệu Ling Wai Tai Ta của Trung Hoa viết vào năm 1178. Tư liệu này kê rằng tại miền nam

²⁹ Bia ký Mỹ Sơn 92B (L. Finot, 1904, tr. 967 và 970).

³⁰ Bia ký Mỹ Sơn (L. Finot, 1904, tr. 967 và 970). Xem thêm G. Maspero, 1928, tr. 165 và G. Coedes, 1964, tr. 313.

³¹ Bia ký Mỹ Sơn (G. Maspero, 1928, tr. 166).

³² G. Maspero, 1928, tr. 166.

Tổng luận đầu sách

Champa có 2 tiểu vương quốc: P'in Tong Long (Phan Rang) và P'in T'o Ling (Phan Rí). Chính ở P'in T'o Ling (Phan Rí) là nơi ngự trị (râjagriha) của vua chúa tiểu vương quốc ở miền nam Champa³³.

III. Sự ra đời của biên niên sử Panduranga (thế kỷ XIII)

Chính sách thống nhất liên bang Champa do hoàng tử gốc Panduranga là Suryavarmadeva thực hiện vào năm 1192 và sự thất trận của Ngài trước đoàn quân Campuchia vào năm 1203, kéo theo sự lánh nạn của Ngài bên xứ Đại Việt cũng vào năm đó, đã đánh dấu cho sự ngưng chiến binh đao giữa Vijaya ở miền bắc và Panduranga ở miền nam. Đây là biến cố quan trọng đáng chú ý, vì chính vào thời kỳ đó mà biên niên sử (*sakarai dak rai patao*) viết bằng tiếng Chăm nói đến vị vua đầu tiên của Panduranga tên là Sri Agarang lên ngôi vào năm 1193 hay năm 1205 tùy theo dị bản. Sự xuất hiện của Sri Agarang vào năm 1193 hay 1205 trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm ở miền nam có sự liên hệ trực tiếp hay không với sự ngưng chiến binh đao giữa hai miền nam-bắc Champa? Đây là câu hỏi mà không ai có thể trả lời được. Tuy nhiên chúng ta có thể ghi nhận rằng biên niên sử viết bằng tiếng Chăm (*sakarai dak rai patao*) là tư liệu lịch sử duy nhất cung cấp cho chúng ta nhiều tin tức hiếm có của một tiểu vương quốc ở miền nam. Điều mà không ai phủ nhận được đó là biên niên sử này cho biết danh sách đầy đủ những vị vua chấp chính ở Panduranga từ triều đại Sri Agarang (1193-1235 hoặc là 1205-1247) cho đến năm 1822, mà đa số chi tiết cũng được

³³ Theo P. Pelliot (1903, tr. 169 và tiếp theo), P'in T'ong Long còn gọi là Pin T'o Ling. Nhưng P. Pelliot đưa ra một giả thuyết khác cho rằng P'in T'ong Long ám chỉ cho khu vực Panrang (Phan Rang) và Pin T'o Ling ám chỉ cho Parik (Phan Rí), tức là hai khu vực nằm trong tiểu vương quốc Panduranga.

Tổng luận đầu sách

xác nhận trong biên niên sử Việt Nam và các ký sự của thương thuyền Âu Châu³⁴.

Biên niên sử viết bằng tiếng Chăm (*sakarai dak rai patao*) chia làm 2 phần. Phần đầu nói về vua huyền sử và phần hai nói về quốc vương trị vì ở miền nam Champa. Đây là danh sách 5 vị vua huyền sử và 33 quốc vương Panduranga trị vì từ năm 1193 hay 1205 cho đến năm 1822 được ghi lại trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm hiện đại:

Vua huyền sử (*patao engkat*)

1. Po Uwluah
2. Po Binnasur
3. Po putik
4. Po Sulika
5. Po Klaong Garay

Quốc vương trị vì ở Panduranga

Triều đại Sri Agarang

1. Sri Agarang
Lên ngôi năm Sửu (1193/1235) chấm dứt năm Ngọ (1205/1247), đóng đô ở Bal Hanguw.
2. Cei Anâk
Con của vua Sri Agarang, lên ngôi năm Mùi (1235/1269) chấm dứt năm Tị (1247/1281), đóng đô ở Bal Anguei.

Triều đại Po Dobatasuar

³⁴ Xem biên niên sử Panduranga (Po Dharma, 1978).

Tổng luận đầu sách

3. Po Dobatasuar
Lên ngôi năm Tị (1269/1294) chấm dứt năm Ngọ (1281/1306), đóng đô ở Bal Anguei.
4. Po Patarsuar
Em của vua Po Dobatasuar, lên ngôi năm Ngọ (1294/1316) chấm dứt năm Thìn (1306/1328), đóng đô ở Bal Anguei.
5. Po Binnsuar
Em của vua Po Patarsuar, lên ngôi năm Thìn (1316/1361) chấm dứt năm Sửu (1328/1373), đóng đô ở Bal Anguei.

Triều đại Po Parican

6. Po Parican
Lên ngôi năm Sửu (1361/1385) chấm dứt năm Sửu (1373/1397), đóng đô ở Bal Anguei.

Thời kỳ gián đoạn ngôi vua từ năm Sửu (1385-1421) đến năm Sửu (1397-1433)

7. Po Kasit
Con của vua Po Parican, lên ngôi năm Sửu (1421/1448) chấm dứt năm Thìn (1433/1460), đóng đô ở Bal Batsinâng.
8. Po Kabrah
Con vua Po Kasit, lên ngôi năm Thìn (1448/1482) chấm dứt năm Dần (1460/1494), đóng đô ở Bal Batsinâng.
9. Po Kabih
Em của vua Po Kabrah, lên ngôi năm Dần (1482/1578) chấm dứt năm Dần (1494/1530), đóng đô ở Bal Batsinâng.

Tổng luận đầu sách

10. Po Karutdrak

Em của vua Po Kabih, lên ngôi năm Dần (1518/1524) chấm dứt năm Thân (1530-1536), đóng đô ở Bal Batsinâng.

Triều đại Po Mahorasak

11. Po Mahorasak

Lên ngôi năm Thân (1524/1529) chấm dứt năm Sửu (1536/1541), đóng đô ở Biuh Bal Batsinâng.

12. Po Kunarai

Em của vua Po Mahorasak, lên ngôi năm Sửu (1529/1541) chấm dứt năm Sửu (1541/1553), đóng đô ở ngoài Biuh Bal Batsinâng.

13. Po At

Cháu của vua Po Kunarai, lên ngôi năm Sửu (1541/1567) chấm dứt năm Mẹo (1553/1579), đóng đô ở ngoài Biuh Bal Batsinâng.

Triều đại Po Klaong Halau

14. Po Klaong Halau

Lên ngôi năm Mẹo (1567/1591) chấm dứt năm Mẹo (1579/1603), đóng đô ở Bal Pangdarang.

15. Po Nit

Con của vua Po Klaong Halau, lên ngôi năm Mẹo (1591/1601) chấm dứt năm Sửu (1603/1613), đóng đô ở Bal Pangdarang.

16. Po Jaiparan

Em của vua Po Nit, lên ngôi năm Sửu (1601/1606) chấm dứt năm Ngọ (1613/1618), đóng đô ở Bal Pangdarang.

17. Po Aih Khang

Con của vua Po Jaiparan, đóng đô ở Bal Pangdarang. Dị bản thứ nhất cho rằng Po Aih Khang lên ngôi năm Sửu chấm dứt năm Tuất (1613-1622). Dị bản thứ hai cho rằng ngài lên ngôi năm Ngọ chấm dứt năm Tuất (1618-1622).

Triều đại Po Mâu Taha

18. Po Mâu Taha:

Lên ngôi năm Tuất chấm dứt năm Mẹo (1622-1627), đóng đô ở Bal Pangdarang.

19. Po Romé

Con rể của vua Po Mâu Taha, lên ngôi năm Mẹo chấm dứt năm Mẹo (1627-1651), đóng đô ở Bal Pangdarang.

20. Po Nraop

Em của vua Po Romé, lên ngôi năm Thìn chấm dứt năm Tị (1652-1653), đóng đô ở Bal Pangdarang.

21. Po Phiktiraydapaghoh

Con rể của vua Po Romé, lên ngôi năm Ngọ chấm dứt năm Dậu (1654-1657), nhận tẩm phong của chúa Nguyễn, đóng đô ở Bal Pangdarang.

22. Po Jatamah

Con rể của vua Po Phiktiraydapaghoh, lên ngôi năm Dậu chấm dứt năm Hợi (1657-1659) được nhà Nguyễn phong chức Đô Đốc Đại Tướng Quân (*ndo ndaok ndai tan kuan*), đóng đô ở Bal Pangdarang.

23. Po Saot

Con của vua Po Phiktiraydapaghoh, nhận tẩm phong của chúa Nguyễn năm Mùi (1655). Lên ngôi năm Tí chấm dứt năm Thân (1660-1692), đóng đô ở Bal Pangdarang.

Tổng luận đầu sách

Thời kỳ gián đoạn ngôi vua từ năm Thân đến năm Hợi (1692-1695)

24. Po Saktiraydapatih

Em của vua Po Saot, nhận tấn phong của chúa Nguyễn năm Hợi (1695). Lên ngôi năm Tí đến năm Mùi (1696-1727), đóng đô ở Bal Pangdarang.

25. Po Ginuhputih

Cháu của vua Po Saktiraydapatih, nhận tấn phong của chúa Nguyễn, lên ngôi năm Thân đến năm Tuất (1728-1731), đóng đô ở Bal Pangdarang.

26. Po Thuttiraidaputih

Con của Po Saot, lên ngôi năm Hợi đến năm Tí (1731-1732). Được chúa Nguyễn phong chức Khám Lý Bình (*kham lik mbin*), đóng đô ở Bal Pangdarang.

27. Po Rattiraydaputao

Cháu của vua Po Saktiraydapatih, nhận tấn phong của chúa Nguyễn vào năm Tí (1732). Lên ngôi năm Mẹo đến năm Mùi (1735-1763), đóng đô ở Bal Pangdarang.

28. Po Tisundimahrai

Lai lịch dòng tộc không được rõ. Lên ngôi năm Mùi đến năm Dậu (1763-1765). Được chúa Nguyễn phong chức Cai Bình (*kai bait mbin*).

29. Po Tisuntiraydapaghoh

Con của Po Thuttiraidaputih, nhận tấn phong của chúa Nguyễn năm Dậu (1765). Lên ngôi năm Tí đến năm Tí (1768-1780), đóng đô ở Bal Pangdarang.

30. Po Tisuntiraydapuran

Không cùng dòng họ với Po Mâu Tuha. Được tấn phong chức Đại Quan (*praong*) vào năm Tí (1780). Năm Sửu

Tổng luận đầu sách

(1781), Po Tisuntiraydapuran trốn ra khỏi đô để đi lánh nạn ở nơi khác.

31. Po Cei Brei

Con của vua Po Tisuntiraydapaghoh, được Nguyễn Nhạc (Tây Sơn) phong chức Chương Cơ (cheng) vào năm Mẹo đến năm Ngọ (1783-1786).

32). Po Tisuntiraydapuran

Dị bản thứ nhất cho rằng năm Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc phong chức Chương Cơ cho Po Tisuntiraydapuran, người đã trốn ra khỏi thủ đô vào năm 1781, lên làm vua cho đến năm Sửu (1793), ngài bị bắt đưa vào Đồng Nai.

Dị bản thứ hai cho rằng năm Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc phong chức Chương Cơ cho thân phụ của Po Cei Brei là Po Tisundapaghoh lên làm vua đến năm Sửu (1793), ngài bị bắt đưa vào Đồng Nai. Đây là sự nhầm lẫn của người sao chép lại.

Triều đại của quan lại thông thường

33. Po Ladhuanpaghuh

Xuất thân từ gia đình quan lại thông thường, lên ngôi năm Sửu đến năm Mùi (1793-1799). Nhận tấn phong với chức Chương Cơ (cheng), đóng đô ở Bal Pangdarang.

34. Po Saong Nhung Ceng

Xuất thân từ gia đình quan lại thông thường: Nhận tấn phong với chức Chương Cơ (Ceng Ke) vào năm Mùi (1799) đến năm Ngọ (1822), đóng đô ở Bal Pangdarang.

Nội dung của biên niên sử này đã minh chứng rằng Panduranga là một tiểu vương quốc có một cơ cấu chính trị riêng, một thể chế hành chính riêng và một qui chế riêng về

Tổng luận đầu sách

quyền nối ngôi vua. Sau cùng, tư liệu này cũng cho thấy các vua chúa ở Panduranga kể từ cuối thế kỷ thứ 12 hay đầu thế kỷ thứ 13 không phải là nhân vật xuất thân từ dòng tộc cây cau (Kramula) như trước nữa, nhưng phát xuất từ lai lịch của 5 vị thần huyền sử: Po Uwluah, Po Binnasur, Po Putik, Po Sulika, Po Klaong Garay mà dân tộc Chăm vẫn còn tôn thờ trong các nghi lễ dân gian ở Panduranga hôm nay³⁵.

Sự hiện diện của Po Uwluah trong biên niên sử đã gây ra bao tranh luận trong giới khoa học. Nguyên nhân tại sao Po Uwluah, đấng tối cao của Hồi Giáo, được liệt vào danh sách của các vị thần huyền sử ở Panduranga, thậm chí biên niên sử này còn gán cho Po Uwluah là nhân vật đứng đầu trong danh sách? Để trả lời cho câu hỏi này, các nhà sử gia đưa ra hàng loạt lý thuyết tượng trưng chỉ nhằm giải thích về sự du nhập Hồi Giáo vào vương quốc Champa vào cuối thế kỷ thứ XII hay đầu thế kỷ thứ XIII. Đây là lý thuyết không thuyết phục cho lắm, vì nhiều công trình nghiên cứu gần đây đã chứng minh rằng Hồi Giáo chỉ bắt đầu du nhập vào Champa và các quốc gia Mã Lai Đa Đảo (Indonesia, Mã Lai, Phi Luật Tân) vào thế kỷ thứ 16 mà thôi. Trước thế kỷ thứ 16, khu vực Đông Nam Á vẫn còn mang ảnh hưởng nặng nề của nền văn minh Ấn Giáo. Có chăng sự hiện diện của Po Uwluah trong biên niên sử tiếng Chăm chỉ được thêm vào ở thời kỳ cận đại mà thôi, có nghĩa là vào lúc vương quốc Panduranga, cũng như các nước Mã Lai Đa Đảo, bắt đầu thu nhận một nền văn minh mới đó là văn minh Hồi giáo vào thế kỷ thứ XVI?

Ai cũng biết, sự hiện hữu của 5 vị vua huyền sử trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm chỉ nhằm hợp thức hóa quyền lực của các vua chúa Panduranga ở miền nam này, một dòng tộc xuất thân từ 5 nhân vật siêu hình. Một khi tự xác nhận mình xuất thân từ 5 thiên thần huyền sử: Po Awluah, Po Binnasur, Po Putik, Po Sulika, Po Klaong Garay, các vua chúa Panduranga tự tôn vinh mình là thiên tử mang một chức danh rất uy nghiêm: Po Patrai hay Ganreh Patrai (Hoàng Thượng).

³⁵ Xem biên niên sử Panduranga (Po Dharma, 1978).

Tổng luận đầu sách

Văn chương tự tôn vinh mình có cùng nguồn gốc với thiên thần huyền sử không phải là một trường hợp đặc biệt ở tiểu vương quốc Panduranga. Vì rằng, các vua chúa liên bang Champa ở miền bắc cũng thường cho họ là những quốc vương có cùng nguồn gốc tổ tiên với các thiên thần như Vicitrāsagara và Bhṛigu mà nhiều bia ký thường nhắc đến³⁶.

Bước vào thêm thế kỷ thứ XIII, tức là vào năm 1203 đánh dấu cho sự chấm dứt chiến tranh Nam-Bắc tại vương quốc Champa. Cũng vào đầu thế kỷ thứ XIII này, tiểu vương quốc Panduranga đưa ra vị quốc vương đầu tiên Sri Agarang trong biên niên sử của mình. Có chăng đây là sự trùng hợp một cách ngẫu nhiên giữa hai biến cố? Thêm vào đó, biên niên sử này chỉ đề cập đến các quốc vương trị vì tại tiểu vương quốc Panduranga mà thôi. Tất cả tên gọi của quốc vương có tên trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm đều khởi đầu với tôn chức Po (như Po Mâu Taha, Po Romé, v.v.), một danh xưng chỉ dùng duy nhất ở tiểu vương quốc Panduranga. Tất cả địa danh như Bal Sri Banây, Bal Hanguw, Bal Batthinâng, Bal Anguei, Bal Pangdarang đều là tên thủ đô nằm trong khu vực Panduranga chạy dài từ Harek Kah Harek Dhei (Phú Yên) đến biên giới Sài Gòn. Dựa vào những dữ kiện này, chúng tôi đưa ra kết luận rằng kể từ thế kỷ thứ 13, xứ Panduranga tách hẳn ra khỏi sự lệ thuộc chính trị của thủ đô Vijaya ở miền bắc³⁷. Đây cũng là một chính sách nhằm xóa bỏ vết thương tương tàn do chiến tranh Nam-Bắc đã gây ra từ mấy thế kỷ qua. Mặc dù đã xây dựng cho mình quyền tự quyết và tự trị, nhưng Panduranga không muốn tách rời ra khỏi liên bang Champa. Mục tiêu đấu tranh của xứ Panduranga chỉ nhằm yêu cầu vua chúa Champa công nhận Panduranga là một tiểu vương quốc nằm trong liên bang

³⁶ Bia ký Po Nagar Nha Trang và Đồng Dương (xem A. Bergaigne 1888, tr. 80 ; G. Maspero, 1928, tr. 43).

³⁷ Theo tài liệu Trung Hoa, Panduranga đôi lúc cũng phục tùng tiểu vương quốc Vijaya (xem P. Pelliot, 1903, tr. 649-650).

Champa, chứ không phải là một tỉnh hay một quận của vương quốc Champa.

IV. Tình hình Champa 1471-1653 Cuộc Nam Tiến của nhà Nguyễn

Sau khi xâm chiếm dần dần đất đai nằm về phía bắc của Champa chạy dài từ mũi Hoành Sơn (Quảng Bình) cho đến đèo Hải Vân (phía nam Huế), năm 1471 vương quốc Đại Việt quyết định thôn tính phần đất còn lại của Champa để sáp nhập vào lãnh thổ của mình. Theo biên niên sử Việt Nam ghi lại, vào tháng 3 năm Tân Mão (1471), vua Lê Thánh Tông xua quân tấn công thủ đô Vijaya (Đồ Bàn), bắt được vua Champa là Trà Toàn, chiếm đoạt những ấn tín hoàng gia cũng như "cái hộp bằng bạc hình lưới kiếm mà vua chúa Champa thường truyền lại cho nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác". Sau ngày chiến thắng này, vua Lê Thánh Tông ra lệnh tiến quân đến núi Thạch Bi (Phú Yên) đối diện với mũi Varella (bắc Nha Trang), nơi mà vua Đại Việt cho xây một cột phân chia ranh giới giữa Đại Việt và Champa vào năm 1471. Tuy nhiên các biên niên sử Việt Nam xác nhận rằng Đại Việt vào thời điểm đó chỉ kiểm soát đất đai Champa chạy dài từ đèo Hải Vân (phía nam Huế) đến đèo Cù Mông ở phía bắc Phú Yên mà thôi, vì khu vực giữa đèo Cù Mông và núi Thạch Bi chưa nằm trong quyền kiểm soát của Đại Việt³⁸.

Sự sụp đổ của vương quốc Vijaya đã đưa Champa vào một khúc quanh mới. Kể từ đó, vương quốc này bị thu hẹp lại trên lãnh thổ của Kauthara và Panduranga có biên giới chung với Đại Việt ở đèo Cù Mông, phía bắc Phú Yên. Vì rằng, sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn, vua Lê Thánh Tông biến khu vực

³⁸ ĐVSKTT, tập III, tr. 233 ; ĐĐC, 1966, tr. 100 ; HĐBĐ, 1972, tr. 201-202 ; LTHCLC, tập I, quyển thủ, tr. 361 ; PĐĐC, tr. 92-93 ; PBT, quyển I, tr. 57. Xem thêm HVG TNB, tr. 259 ; G. Maspero, 1928, tr. 236.

Vijaya thành một tỉnh của Đại Việt gọi là Quảng Nam, vào tháng 6 năm Tân Mão (1471)³⁹.

Bố Trì Trì lánh nạn ở Panduranga

Sau ngày thất thủ của Vijaya, biên niên sử Việt Nam⁴⁰ cho biết có một vị quan đại thần quân sự của liên bang Champa tên Bố Trì Trì chạy vào Phan Lung (Phan Rang) lánh nạn vào ngày mùng 1 tháng 3 năm Tân Mão (1471). Vị quan quân sự này chiếm lấy một phần năm của đất đai Champa còn lại để trị vì. Cũng theo biên niên sử Việt Nam, giữa ngày mùng 1 và mùng 7 tháng 3 năm Tân Mão (1471), Bố Trì Trì yêu cầu vua Lê Thánh Tông (lúc bấy giờ vẫn còn ở Vijaya) tấn phong cho mình. Lê Thánh Tông chấp nhận lời yêu cầu của Bố Trì Trì, nhưng quyết định phân chia lãnh thổ Champa còn lại thành hai vương quốc chư hầu khác, đó là nước Nam Bàn⁴¹ và nước Hoa Anh⁴².

Đơn thỉnh nguyện tấn phong của Bố Trì Trì cũng được ghi nhận trong tác phẩm Minh Chế của Trung Hoa⁴³. Sau khi chiếm cứ Vijaya vào năm 1471, tài liệu Minh Chế cho biết, vì

³⁹ ĐBTLCB, tập I, quyển 9, tr. 219 ; PBTL, tr. 214 ; PĐDDC, tr. 15 ; ĐNNTC, quyển 10-11 ; LTHCLC, tập I, quyển thứ, tr. 361 ; ĐĐC, tr. 100.

⁴⁰ ĐVSKTT, tập III, tr. 237 ; PBTL, quyển 1, tr. 3-32. Xem thêm Le Thanh Khoi, 1955, tr. 230 ; J. Boisselier, 1963, tr. 373.

⁴¹ Biên niên sử Việt Nam nêu ra tên gọi Nam Bàn lần đầu tiên vào năm 1471. Vào thế kỷ thứ XVIII-XIX, biên niên sử này cho rằng Nam Bàn là vương quốc nằm ở phía tây Phú Yên và Quảng Nam, nơi ngự trị vua Thủy Xá và Hỏa Xá. Ai cũng biết vua Hỏa Xá (Patao Apuei) cư ngụ ở khu vực Cheo Reo và vua Thủy Xá (Patao Aia) ở khu vực Dak Lak. Đây là khu vực thuộc vùng Tây Nguyên nơi vẫn còn hiện hữu những đền tháp Champa.

⁴² Hoa Nam chỉ xuất hiện một lần trong tư liệu Việt Nam vào năm 1471. Cao Huy Chú và Đào Duy Anh (tác giả bản dịch sang quốc ngữ của ĐVSKTT, Tập III, tr. 357, chú thích số 147) đưa ra giả thuyết cho rằng Hoa Nam là vương quốc nằm giữa đèo Cù Mông và núi Thạch Bi.

⁴³ P. Pelliot, 1903, tr. 651-652.

Tổng luận đầu sách

sợ có sự phản ứng của hoàng đế Trung Hoa, vua Đại Việt chịu tấn phong cho T'chai Ya Ma Fou Ngan mà sử gia G. Maspero nghĩ rằng có thể là tên của Bồ Trì Trì. Cũng theo Minh Chế, Đại Việt chỉ chấp nhận cho Bồ Trì Trì quyền kiểm soát trên 5 vùng đất đai từ Pan-Tou Lang (Panduranga) đến biên giới Tchan La của Kampuchea, trong khi đó, vương quốc Champa xưa kia có đến 27 vùng chia làm 4 Phủ chính, 1 Phủ phụ và 22 quận. Những biên niên sử Việt Nam⁴⁴ cũng xác định rằng sau năm 1471, lãnh thổ của vương quốc Chiêm Thành (Champa) trải dài từ khu vực Phú Yên đến Phan Thiết. Hơn thế nữa, sau thế kỷ thứ 15, biên niên sử của Panduranga cũng công nhận rằng lãnh thổ của vương quốc Champa thời đó chạy dài từ Harek Kah Harek Dhei (Phú Yên) cho đến biên giới Sài Gòn (Baigaor). Những dữ kiện vừa nêu ra đã chứng minh một cách cụ thể là sau ngày thất thủ Vijaya (Đồ Bàn), vương quốc Champa bị thu hẹp lại trong khu vực Panduranga tập trung 6 vùng: Aia Ru (Phú Yên), Aia Trang (Khánh Hòa), Panrang (Phan Rang), Kraong (Long Hương), Parik (Phan Rí) và Pajai (Phố Hải).

Sau ngày thất thủ của Vijaya (Đồ Bàn), biên niên sử Việt Nam không còn nhắc đến vương quốc Champa gần một thế kỷ. Ngược lại, quyển Minh Chế⁴⁵ cho rằng Trung Hoa vẫn tiếp tục trao đổi phái đoàn ngoại giao với Champa vào năm 1478, chấp nhận tấn phong cho hoàng tử T'chai Ya Ma Ngan (Bồ Trì Trì ?) giữa năm 1478 và 1505, và tấn phong thêm cho đứa con của T'chai Ya Ma Ngan vào năm 1515. Minh Chế cũng cho biết Trung Hoa cũng tiếp tục trao đổi đại sứ với Champa vào năm 1543. Đó là những thông tin cuối cùng mà nguồn tư liệu Trung Hoa nói về vương quốc Champa.

⁴⁴ ĐVSKTT, tập III, tr. 239 ; PBT, tập I, tr. 3-32. Xem thêm Sử Học Bí Khảo được trích dẫn bởi Nguyễn Lê Thị (1978, tr. 110).

⁴⁵ G. Maspero, 1928, tr. 241 ; Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ; J. Boisselier, 1963, tr. 373.

Sự thất thủ Aia Ru (Phú Yên) vào năm 1611

Ngày từ trần của vị vua chiến thắng ở Vijaya là Lê Thánh Tông vào năm 1497 đánh dấu sự bùng nổ chiến tranh giữa vua Lê và chúa Trịnh, sau đó giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Lợi dụng tình hình xáo trộn này, năm 1578 vương quốc Champa xua quân tấn công lãnh thổ của chúa Nguyễn, chiếm đóng Thành Hồ tọa lạc ngay trên bờ sông Đà Rằng (khu vực Phú yên)⁴⁶. Không biết chúa Nguyễn Hoàng có phản ứng gì về cuộc tấn công này. Nếu biên niên sử Việt Nam không ghi lại cuộc chiến vào năm 1578, thì ngược lại tư liệu này cho biết chúa Nguyễn có gởi một đại sứ đến Champa vào năm 1602, thể theo lời yêu cầu của vương quốc này, nhằm thương thuyết về hiệp ước "liên minh chính trị" với nhà Nguyễn.

Vào năm 1606, nhà truyền giáo T. Compans⁴⁷ có tham dự buổi lễ do vương quốc Champa tổ chức cho rằng hòn núi Varella (phía bắc Nha Trang) vẫn thuộc quyền cai trị của Champa và hòn núi này là ranh giới giữa Champa và lãnh thổ của chúa Nguyễn ở phía bắc.

Cũng trong thời điểm này, biên niên sử viết bằng tiếng Chăm cho rằng Po Nit lên ngôi vào năm 1603 và đóng đô ở Bal Pangdarang, nhưng không biết nằm ở đâu. Ngược lại tư liệu Âu Châu⁴⁸ ghi rằng giữa năm 1604 và 1607, thủ đô của Champa nằm trong khu vực ở phía bắc vĩ tuyến 11. Nếu tin tức này có phần chính xác, thì thủ đô Bal Pangdarang vào năm 1604 và 1607 phải nằm trong khu vực Phan Rang.

Vào đầu thế kỷ XVII, chiến tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã lên đến mức độ tột đỉnh, không cho phép nhà

⁴⁶ ĐNNTC, tập 10-11, tr. 99. Xem thêm Phan Khoang, 1969, tr. 162 ; Nguyễn Đình Diệm, tr. 239 ; Phạm Văn Sơn, III, 1959, tr. 468 ; Ch. Maybon, 1920, tr. 16.

⁴⁷ T. Compans, tập I, tr. 306.

⁴⁸ P. Y. Manguin, 1981, tr. 262.

Tổng luận đầu sách

Nguyễn mở mang đất đai của mình sang phía bắc được, nên chúa Nguyễn chỉ còn cách mở rộng lãnh thổ của mình tiến về phía nam. Thế là chính sách Nam Tiến bắt đầu đi vào một giai đoạn mới và biến Champa thành một nạn nhân thường trực của chính sách mở rộng đất đai của nhà Nguyễn về phía nam kể từ đầu thế kỷ thứ 17.

Theo biên niên sử Việt Nam⁴⁹, lợi dụng sự quấy phá biên giới Quảng Nam của đoàn quân Champa (dưới thời Po Nit) vào năm 1611, chúa Nguyễn gửi Chủ Sự tên là Văn Phong xua quân chiếm lãnh thổ Champa từ đèo Cù Mông đến hòn đá Thạch Bi và biến khu vực này thành một phủ gọi là phủ Phú Yên. Cũng theo biên niên sử Việt Nam⁵⁰, vào năm 1629, dân chúng Champa trong khu vực Phú Yên vùng dậy chống lại sự xâm lăng của chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên ra lệnh dẹp tan cuộc khởi nghĩa này, quyết định thay đổi phủ Phú Yên thành dinh Trấn Biên và dời biên giới phía nam của mình đến mũi Varella, phía bắc Nha Trang.

Sau 1611, vương quốc Champa không còn phương cách nào để chiếm lại khu vực Phú Yên của mình đã mất. Vì rằng chúa Nguyễn bắt đầu áp dụng công khai một yếu sách chính trị mà Phan Khoang⁵¹ gọi là "chính sách thực dân" (colonisation) để khai khẩn đất đai đã chiếm đóng. Kể từ đó, chúa Nguyễn ra lệnh gửi đến khu vực Phú Yên hơn 30 000 tù binh của chúa Trịnh nhằm xây dựng nhiều làng mạc mới và khai hoang tồ đả các đất đai trong khu vực này. Sự kiện này được A. de Rhodes xác nhận khi ông đến Ran Ran (Phú Yên) vào năm 1640. Theo ông A. de Rhode, Phú Yên đã bị lọt vào tay của nhà Nguyễn, nhưng phía nam của Phú Yên vẫn là đất đai thuộc vương quốc Champa. Cũng trên bản đồ mà ông xuất

⁴⁹ ĐNLTB, tập I, tr. 42-43 ; ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 7 ; HVGTNB, tr. 285 ; VSY, tr. 405 ; Xem thêm Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ; Trần Trọng Kim, 1971, tr. 79 ; Phạm Đình Khiêm, 1960, tr. 85 ; Phạm Văn Sơn, II, 1959, tr. 293 ; Dorohiem & Dohamide, 1965, tr. 101.

⁵⁰ ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 7. Xem thêm Phạm Đình Khiêm, 1960, tr. 55 ; Phan Khoang, 1969, tr. 386.

⁵¹ Phan Khoang, 1969, tr. 386.

Tổng luận đầu sách

bản năm 1640 "vương quốc Champa" có biên giới phía bắc nằm giữa xứ Ran Ran (Phú Yên) và mũi Varella (phía bắc Nha Trang). Bản đồ của A. de Rhode⁵² không phải là tài liệu đầu tiên nói đến sự hiện hữu của Champa, vì rằng vương quốc này cũng được các thương thuyền phương tây đề cập đến từ năm 1529. Sự kiện này đã chứng minh rằng vương quốc Champa vẫn còn hiện hữu ở phía nam biên giới của nhà Nguyễn sau ngày thất thủ Vijaya (Đồ Bàn) vào năm 1471⁵³. Cũng trong thời điểm đó, thương thuyền Hòa Lan có dịp tiếp kiến với vua Champa vào năm 1644 tại Cà Ná (mũi Pangdarang) nơi mà vua Champa đang mở cuộc săn bắn. Qua sự tiếp kiến này, vua Champa, có lẽ là Po Romé (1627-1651), chấp nhận cho thương thuyền Hòa Lan được tự do buôn bán tại vương quốc Champa, với điều kiện là Hòa Lan không tấn công người Bồ Đào Nha ở các hải cảng đặt dưới quyền kiểm soát của vương quốc này⁵⁴.

Nhà Nguyễn xâm chiếm Kauthara vào năm 1653

Vào năm 1653, tức là 9 năm sau sự viếng thăm của thương thuyền Hòa Lan, vua Champa tên là Bà Tâm, có lẽ là Po Nraop (1652-1654)⁵⁵ dấy binh để chiếm lại Phú Yên mà biên niên sử Việt Nam đã ghi lại⁵⁶. Để trả lời cho sự quấy phá

⁵² H. Chappoullie, tập II, 1948, tr. 26

⁵³ Bản đồ của thương thuyền Âu Châu : Diogo Ribeiro, 1529 ; Anonyme (Gaspar Viegas), 1537 ; Anonyme (Batholomeu Velho), 1560 ; Anonyme (Livro da Marinharia), 1560 ; Fernao Vaz Dourado, 1590 ; Petrus Plancius, 1592-1594 ; Joao Teixeira, 1649. Muốn biết thêm chi tiết về bản đồ này, xem P. M. Manguin, 1972.

⁵⁴ Winkel, 1822, tr. 498-499. Xem thêm Po Dharma, 1978, tr. 129.

⁵⁵ Tư liệu Việt Nam còn gọi Bà Tâm, Bà Bật, Bà Thâm, Bà Chiêng, Bà Tranh. Xem Trương Bá Phát, 1970, tr. 105 ; Bửu Cầm, 1958, tr. 246 ; ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 60.

⁵⁶ ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 60-61 ; PBTL, quyển 1, tr. 83 ; LTHCLC, quyển 1, tr. 110-112 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7. Xem thêm Phan Khoang, 1969, 388 ; Nguyễn Đình Diệm, 1970, tr. 239 ; Trần Trọng

Tổng luận đầu sách

này, chúa Nguyễn Phúc Tần chỉ thị cho Hùng Lộc xua quân chinh phạt Champa. Ba nghìn quân lính của nhà Nguyễn vượt đèo Hồ Dương, tấn công Champa và bắt được vua Bà Tấm (Po Nraop) trước mắt của nhà truyền giáo J. Tissanier⁵⁷. Trong ký sự của mình, ông J. Tissanier ghi rằng, sau trận chiến này, quân chúa Nguyễn bắt vua Bà Tấm nhốt trong một cái rọ bằng sắt. Vì không chịu đựng được sự nhục nhã ấy, Bà Tấm (Po Nraop) tự chuốt lấy cái chết bằng chính bàn tay của mình.

Cũng vào năm ấy, biên niên sử Việt Nam cho biết sau khi bắt được vua Champa, Nguyễn Phúc Tần ra lệnh tiến quân đến sông Dinh (Phan Rang) và có ý định lấy sông Dinh này làm ranh giới phía nam của mình. Theo A. de Rhodes⁵⁸, vào năm 1653, biên giới lãnh thổ của chúa Nguyễn và Champa không phải nằm ở sông Dinh (Phan Rang), nhưng ở vĩ tuyến 12, tức là ở vùng Cam Ranh. Theo chúng tôi, tin tức do A. de Rhodes cung cấp rất có lý. Vì rằng sau sự thất bại của Champa vào năm 1653, chúa Nguyễn chỉ chiếm khu vực Kauthara (Nha Trang) và biến xứ này thành hai phủ của nhà Nguyễn đó là Thái Khang và Diên Khánh⁵⁹.

Ai cũng biết, thủ đô Bal Pangdarang của Champa vào năm 1653 nằm trong khu vực Phan Rang. Sự thất thủ của Kauthara (Khánh Hòa) vào năm 1653 đã trở thành một mối đe dọa trầm trọng cho vấn đề phòng thủ của thủ đô Bal Pangdarang. Chính vì thế, quốc vương Champa quyết định dời thủ đô này về phía nam. Ngược lại các thương thuyền phương tây⁶⁰ xác nhận rằng kể từ hậu bán thế kỷ thứ 17, thủ đô của vương quốc Champa tọa lạc tại Phan Rí.

Kim, tập II, 1971, tr.79 ; Phạm Văn Sơn, 1959, tr. 293 ; Trương Bá Phát, 1970, tr. 105 ; Minh Lạc, 1973, tr. 40.

⁵⁷ Lời tường thuật của Linh Mục Joseph Tissanier vào năm 1658-1660, chương V, tr. 176.

⁵⁸ H. Chappoullie, tập I, tr. 9

⁵⁹ ĐNNTC, quyển 10-11.

⁶⁰ E. Durand, 1905, tr. 382-386 ; P. Y. Manguin, 1981, tr. 266.

Tổng luận đầu sách

Sự sáp nhập vùng đất Cam Ranh vào lãnh thổ của nhà Nguyễn vào năm 1653 đã đưa vương quốc Champa vào thế cô lập trong một khu vực địa lý rất là eo hẹp tập trung 4 khu vực sau đây: Panrang (Phan Rang), Kraong (Long Hương), Parik (Phan Rí) và Pajai (Phan Thiết)⁶¹.

IV. Tình hình Champa 1653-1771

Nhà Nguyễn tìm cách đặt nền đô hộ ở Champa

Sự suy yếu của chúa Trịnh ở miền bắc vào đầu hậu bán thế kỷ thứ XVII đã giúp chúa Nguyễn được rảnh tay để thực hiện chính sách bành trướng lãnh thổ của mình về phía nam.

Theo Gia Định Thông Chí⁶², suốt thế kỷ thứ 17, nhất là trong thời chiến tranh Trịnh-Nguyễn, một số người Kinh nghèo đói đã chạy sang định cư ở các vùng Bà Rịa và Biên Hòa. Một số khác gồm những thành phần bị khai trừ, đào ngũ, lần lượt nối gót nhau chạy sang miền nam lánh nạn hay tìm cách sinh nhai. Sự hiện diện đông đảo của dân cư người Kinh ở miền nam thuộc lãnh thổ của Campuchia đã giúp chúa Nguyễn có cơ hội bước sang một giai đoạn mới trong chính sách Nam tiến của mình. Vào năm 1658, tức là 5 năm sau ngày thất thủ của Kauthara (Nha Trang) vào 1653, chúa Nguyễn lợi dụng sự biến động chính trị ở vương quốc Campuchia để xuất quân xâm chiếm Biên Hòa⁶³ và bắt đầu tìm cách đặt quyền đô hộ của mình lên vương quốc láng giềng. Tiếp theo đó, chúa Nguyễn không ngừng nhúng tay can thiệp vào nội bộ của Campuchia và nuốt gậm lẫn hồi lãnh thổ của vương quốc này⁶⁴.

⁶¹ ĐNNTC, quyển 12, tr. 410.

⁶² Gia Định Thành Thông Chí (Paris, 1863), tr. 2, 9, 10, 135 ; GĐTTC, tập trung, Saigon, 1972, tr. 29.

⁶³ Mak Phoeun & Po Dharma, 1984, tr. 285.

⁶⁴ Mak Phoeun, 1981 ; Khin Sok, 1975 ; A. Dauphine-Meunier, 1961 ; M. Giteau, 1957 ; A. Leclère, 1914 ; D. Chanler, 1973.

Tổng luận đầu sách

Sự chiếm cứ Biên Hòa của nhà Nguyễn vào năm 1658 đã đưa vương quốc Champa vào địa thế rất là nguy hiểm. Vì sau năm 1658, Champa có một biên giới chung với lãnh thổ của chúa Nguyễn không những ở phía bắc (Cam Ranh) mà cả phía nam (Sài Gòn). Kể từ đó, Champa trở thành một khu vực chia cắt lãnh thổ của chúa Nguyễn làm đôi. Bối cảnh địa dư này đã trở thành một mối đe dọa nặng nề cho sự sống còn của Champa, một vương quốc chỉ có vài ngàn quân lính phòng thủ so với lực lượng quân sự hùng hậu của nhà Nguyễn.

Sau mỗi lần chiếm đoạt đất đai Champa, chúa Nguyễn phải bỏ ra nhiều năm để khôi phục hệ thống tổ chức hành chính và đồng hóa dân tộc Champa trong các vùng bị chiếm đóng. Sự kiện này giải thích tại sao việc chinh phục vương quốc Champa lại kéo dài hàng thế kỷ. Một khi không có cơ hội để gây chiến tranh, chúa Nguyễn lại tìm cách nối lại sự giao hảo với Champa, mặc dù chúa Nguyễn dư biết là vương quốc này không bao giờ chấp nhận láng giềng miền bắc chiếm đoạt đất đai của mình⁶⁵.

Nhà Nguyễn đặt nền đo hộ vào năm 1692

Theo biên niên sử Việt Nam⁶⁶, vào 1692 vương quốc Champa tiến quân nhằm thu hồi lại thánh địa Kauthara bị thất thủ vào năm 1653. Để trả lời cho thái độ khiêu khích này, Nguyễn Phúc Chu xua quân tấn công Champa, bắt được quốc vương Bà Tranh (Po Saot trong biên niên sử Chăm) đưa về Quảng Nam làm tù binh⁶⁷.

⁶⁵ J. Boisselier, 1963, tr. 376.

⁶⁶ ĐNTLCB, tập 1, quyển 8, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7 ; Phan Khoang, 1861, tr. 217, 389 ; Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ; Phạm Văn Sơn, III, 1953, tr. 293 ; J. Boisselier, 1963, tr. 376-377 ; Po Dharma, 1978, tr. 135.

⁶⁷ Thư của M. Feret viết vào ngày 4-2-1694 tại Phú Yên cho rằng : « vua Ciampa (tức là Champa) thời đó không có cách nào chống lại chúa Nguyễn (...). Vì rằng vua Ciampa (Chanpa) bị bắt làm tù binh không

Tổng luận đầu sách

Sau cuộc chiến thắng này, lãnh thổ Champa hoàn toàn lọt vào tay của nhà Nguyễn. Kể từ năm 1692, Nguyễn Phúc Chu đổi tên danh xưng Chiêm Thành (Champa) thành Trấn Thuận Thành và thành lập một phủ Bình Thuận tập trung những cư dân người Kinh sinh sống tại vương quốc Champa nhưng trực thuộc triều đình nhà Nguyễn. Sau đó nhà Nguyễn chia Trấn Thuận Thành thành ba khu vực hành chánh (Phổ Hải, Phan Rí, Phan Rang) và ra lệnh cho ba vị tướng lãnh đạo đoàn quân viễn chinh của nhà Nguyễn ở Champa mỗi người cai trị một trong ba vùng này. Một tháng sau, Nguyễn Phúc Chu phong chức Khám Lý cho Kế Bà Tử (Po Saktiraydapatih trong biên niên sử Chăm), em của vua Bà Tranh (Po Saot) bị bắt làm tù binh, để quản trị Trấn Thuận Thành⁶⁸.

Để trả lời cho cuộc xâm lược của nhà Nguyễn, nhân dân Champa khơi dậy phong trào đấu tranh giành độc lập. Tháng 12 năm quý dậu (1693) đánh dấu cho sự vùng dậy của nhân dân Champa nhằm giải phóng vương quốc này ra khỏi ách thống trị của nhà Nguyễn⁶⁹.

Trước làn sóng đấu tranh của nhân dân Champa vào 1693 và với sự can thiệp của vua Kế Bà Tử (Po Saktiraydapatih), chúa Nguyễn quyết định vào tháng 8 năm giáp tuất (1694) hủy bỏ phủ Bình Thuận vừa thành lập vào năm 1692 và chấp nhận tái lập lại vương hiệu cho Trấn Thuận Thành, danh xưng mới mà biên niên sử Việt Nam thường dùng để gọi vương quốc Chamapa cho đến 1832⁷⁰. Vào tháng 11 cùng năm (1694), Kế Bà Tử (Po Saktiraydapatih) được nhà Nguyễn phong chức là Trấn Vương Thuận Thành để cai trị vương quốc Champa với điều kiện là hàng năm phải dâng "lễ cống" cho nhà Nguyễn⁷¹.

biết ngày nào được thả về trong khi đó vương quốc này đang nằm trong tay của chúa Nguyễn” (MEP, Vol. 737, trang 741).

⁶⁸ Manneville, 1775, tr. 447 ; J, Boisselier, 1963, tr. 140.

⁶⁹ ĐNTLCB, tập I, quyển 8, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7

⁷⁰ ĐNTLCB, tập I, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7.

⁷¹ ĐNTLCB, tập I, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 13, tr. 7 ; VSY, tr. 31.
Xem thêm Phan Khoang, 1969, tr 389 ; Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ;

Tổng luận đầu sách

Sau khi trả lại nền độc lập cho Champa vào năm 1694, chúa Nguyễn khẳng định quyền tối thượng của mình đối với người Kinh cư ngụ tại vương quốc này ngày càng đông đảo, mà trước năm 1692 họ là nhóm người đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của chính quyền Champa. Theo lời tường thuật của một nhà truyền giáo tây phương⁷², trước năm 1692, vua Champa có quyền tối thượng ngay cả quyền xử trảm những cư dân người Kinh sinh sống trong lãnh thổ của mình, nếu họ vi phạm luật lệ của quốc gia này.

Sự ra đời của phủ Bình Thuận vào năm 1692

Nhằm bảo đảm sinh mạng cho cư dân người Kinh sinh sống ở Champa, chúa Nguyễn quyết định thành lập một phủ Bình Thuận vào năm 1692 trên lãnh thổ của vương quốc Champa. Phủ Bình Thuận là một đơn vị hành chính rất đặc biệt. Về mặt đất đai, phủ Bình Thuận bao gồm các làng mạc người Kinh ở Hàm Thuận (vùng Phan thiết ngày nay) nơi có trụ sở của Phủ; các làng mạc người Kinh ở An Phước (phía tây Phan Rang) nơi có trụ sở của huyện; các làng của người Kinh thuộc khu vực Hòa Đa (phía đông Phan Rí) nơi có trụ sở của huyện; cộng thêm các làng mạc khác của người Kinh nằm rải rác trong nội địa của lãnh thổ Champa. Chính vì thế, phủ Bình Thuận không có lãnh thổ thống nhất vì các làng, các ấp cũng như những đất đai canh tác của người Kinh phụ thuộc vào phủ này không tập trung vào một khu vực nhất định, nhưng lại nằm rải rác trên lãnh thổ của vương quốc Champa thời đó⁷³.

J. Moura, I, 1883, tr. 488 ; E. Aymonier, III, 1904, tr. 777 ; Phạm Văn Sơn, III, 1959, tr. 294 ; Nguyễn Đình Diệm, 1970, tr. 240 ; Lê Ngọc Trụ & Phạm Văn Luật, 1969, tr. 45 ; Po Dharma, 1978, tr. 137.

⁷² De Choisy, 1685-1686, tr. 254 được trích dẫn bởi J. Boisselier, 1963, tr. 376.

⁷³ ĐNNTC, quyển 12, tr. 41.

Tổng luận đầu sách

Những tài liệu hoàng gia Champa bằng chữ Hán và chữ Chăm (1702-1810)⁷⁴ mang ấn tín của phủ Bình Thuận đã chứng minh rằng sau năm 1702, nhà Nguyễn đã đặt một cơ cấu hành chính trên lãnh thổ Champa nhằm quản lý trực tiếp cộng đồng cư dân người Kinh sinh sống tại vương quốc này. Chính vì thế, kể từ năm 1694, người Kinh không còn lệ thuộc vào vương quốc Champa nữa mà chỉ lệ thuộc vào các quan lại của nhà Nguyễn quản lý phủ Bình Thuận. Các quan lại này có thêm quyền can thiệp với các cấp lãnh đạo Champa để bênh vực quyền lợi người Kinh mỗi lần xảy ra sự tranh chấp ở vương quốc này.

Sau ngày hình thành phủ Bình Thuận trực thuộc vào triều đình chúa Nguyễn, Champa không còn là một vương quốc thống nhất về đất đai nữa, mà là một quốc gia có lãnh thổ bị chia xén thành mảnh vụn như tấm da beo (peau de léopard), một thành ngữ thường được sử dụng để miêu tả hình dáng chính trị-địa lý của Việt Nam Cộng Hòa trước 1975.

Ngày ra đời của phủ Bình Thuận trên lãnh thổ Champa vào năm 1694 càng làm kích thích thêm bao sự tranh chấp, tố tụng giữa nhân dân Champa và người Kinh thuộc phủ Bình Thuận, nhất là cư dân người Kinh thường hay đặt mình vào thế mạnh hơn vì có sự che chở của những quan lại của nhà Nguyễn ở phủ Bình Thuận. Trước tình hình nguy biến này, Po Saktiraydaputih đề nghị với Nguyễn Phúc Chu vào tháng 9 năm nhâm thìn (1712)⁷⁵ một thỏa ước để giải quyết những vụ tranh chấp giữa nhân dân Champa và người Kinh sống tản mát tại vương quốc này. Theo thỏa ước, nếu có sự tranh chấp giữa người Kinh và người dân Champa, thì phải có sự phán xét chung của một ủy ban tổng hợp gồm có quan lại của Champa, quan cai bộ và ký lục của phủ Bình Thuận. Nếu có sự tranh chấp giữa người dân Champa thì chính quyền của Champa có trách nhiệm giải quyết. Nếu có sự tranh chấp giữa

⁷⁴ Tư liệu hoàng gia Champa (P-B. Lafont, Chen Zhichao, Nguyễn Trần Huân, Po Dharma, 1984).

⁷⁵ ĐNTLCB, tập I, tr. 175 ; Phan Khoang, 1969, tr. 392.

Tổng luận đầu sách

những người Kinh trên những khu đất thuộc về phủ Bình Thuận thì do thẩm quyền của phủ này xét xử.

Mặc dù Po Saktiraydapatih tìm mọi cách để duy trì chủ quyền đất đai của mình, nhưng vị thủ lĩnh này không thể ngăn cản được sự bành trướng làng mạc của người Kinh trên lãnh thổ Champa qua nhiều hình thức khác nhau, như mua bán, đổi chác hay chiếm đoạt bất hợp lệ đất đai của người Chăm tại vương quốc này. Và Po Saktiraydapatih cũng không tìm ra giải pháp để thoát ra khỏi ảnh hưởng chính trị của nhà Nguyễn. Vào năm 1720, một sĩ quan Pháp của chiến hạm La Galathée⁷⁶ cũng đề cập đến vấn đề này và cho rằng chúa Nguyễn đặt cả vị cố vấn chính trị và quân sự người Kinh trong triều đình Champa thời đó.

Sau ngày từ trần Po Saktiraydapatih vào năm 1727, dân chúng Champa vùng dậy vào năm 1728 chống lại quyền lực của nhà Nguyễn tại vương quốc này. Tuy nhiên sự nổi dậy cũng không ngăn chặn được sự phát triển ngày càng mạnh về quyền lực chính trị và kinh tế của người Kinh sống ở phủ Bình Thuận⁷⁷.

Đặt dưới quyền che chở quan lại của chúa Nguyễn, người Kinh ở phủ Bình Thuận bắt đầu phát động một phong trào mới nhằm tăng cường năng xuất trong lãnh vực kinh tế và nhất là phát triển mạnh mẽ nghề cho vay nặng lãi không những cho dân bản xứ Champa mà cả quan lại hay quốc vương Champa thời đó. Với chỉ số tiền lời hơn 150% một năm, chính sách này đã đưa người dân Champa vay tiền vào con đường bế tắc. Vì tiền lãi quá cao, dân Champa không có phương tiện để trả cho chủ nợ. Thế là người Kinh cho vay có quyền tịch thu đất đai và tài sản của họ. Nếu chưa đủ vốn, người Kinh bắt cả con cái hay cha mẹ của họ để làm tồ tở trong một định kỳ nào đó⁷⁸. Đối với người Kinh ở phủ Bình

⁷⁶ Manneville, 1775, tr. 447 ; J, Boisselier, 1963, tr. 140.

⁷⁷ De Flory, MEP, Vol. 739, tr. 600; Po Dharma, 1978, tr 40.

⁷⁸ Xem tài liệu hoàng gia Champa, 1984, hồ sơ 3-65.

Tổng luận đầu sách

Thuận, đây là phương cách hợp lệ vì có ghi rõ trên bản hợp đồng vay mượn. Nhưng đối với người dân Champa, đây là một vấn đề không thể chấp nhận được, vì phong tục tập quán của họ ngăn cấm mọi việc chuyển nhượng hay buôn bán những bất động sản hoặc bản thân mình cho người nước ngoài, sợ rằng thân linh che chở cho tài sản đó sẽ quở phạt những thành viên trong dòng tộc của họ. Chính vì thế, vấn đề này không mang yếu tố pháp lý nữa, mà là một vấn đề mang tính cách tín ngưỡng. Sự kiện này đã giải thích tại sao có sự tăng gia gấp bội những vụ kiện tụng hay tranh chấp từng xảy ra giữa hai cộng đồng Kinh và dân bản xứ Champa vào thời đó, kéo theo các phong trào bài trừ người Kinh ở vương quốc này mà biên niên sử Việt Nam thường nhắc đến.

Mặc dù phong trào chống người Kinh bùng nổ một cách định kỳ⁷⁹, nhưng phong trào này không gây ra một sự đe dọa nào đối với chính quyền Champa hay đối với triều đình nhà Nguyễn thời đó.

V. Tình hình Champa 1771-1799 Cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh

Bước vào hậu bán thế kỷ thứ XVIII, triều đình nhà Nguyễn dần dần đi vào sự suy sụp để nhường lại cho sự ra đời của phong trào Tây Sơn đặt dưới quyền điều hành của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ với mục tiêu khuyến khích nông dân Việt Nam nổi dậy kể từ năm 1771 chống lại chính sách quan liêu độc tài của chúa Nguyễn. Cuộc chiến này đã giúp nhà Tây Sơn làm chủ tình hình trên lãnh thổ do chúa Nguyễn kiểm soát và buộc quân nhà Nguyễn, tức là Nguyễn Ánh phải rút lui về phía nam trong vùng Gia Định để tổ chức cuộc kháng chiến nhằm chiếm lại ngai chúa của mình⁸⁰.

⁷⁹ ĐNTLCB, tập I, tr. 209.

⁸⁰ Về lịch sử Tây Sơn, xem ĐNCBLT (Nhà Tây Sơn), 1970 ;HLNTC, 1985 ; Trần Trọng Kim, II, 1971 ; Nguyễn Khắc Viên, 1974.

Tổng luận đầu sách

Champa là vương quốc có địa bàn dân cư nằm giữa hai lực lượng Tây Sơn ở phía bắc và chúa Nguyễn ở phía nam. Kể từ đó, Champa bị lôi cuốn vào cuộc chiến giữa người Việt, tức là cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Anh, không liên hệ gì với vương quốc này⁸¹. Theo biên niên sử Việt Nam, trong suốt thời gian nội chiến, lực lượng Nguyễn Ánh cũng như lực lượng Tây Sơn, mỗi bên đều tìm cách chiếm đóng lãnh thổ Champa để đặt căn cứ quân sự hầu tấn công binh trại bên kia, hay tuyển mộ binh lính gốc dân bản xứ Champa để chống lại đối tượng thù địch của mình. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao vương quốc Champa trong suốt thời ấy đã trở thành trận địa binh đao giữa chúa Nguyễn và phong trào Tây Sơn.

Bị kìm kẹp trong cuộc nội chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh mà phần lớn chiến trường đã diễn ra trên lãnh thổ của mình, vương quốc Champa vào thời điểm đó không còn phương cách nào để bảo vệ nền độc lập của mình nữa. Vì rằng, một khi vương quốc Champa bị Tây Sơn hay Nguyễn Ánh chiếm đóng, thì dân chúng bản xứ Champa phải phục tùng phía nào đã dành cuộc chiến thắng. Và khi vương quốc Champa bị tấn công bởi lực lượng bên kia, thì phe chiến thắng lại trừng phạt một cách dã man dân bản xứ Champa bị kết tội làm tay sai cho quân địch của ngụy quyền.

Một khi lãnh thổ của mình bị chiếm đóng hàng năm bởi hai lực lượng Tây Sơn và Nguyễn Anh, các quan lại Champa bắt buộc phải theo phe này hay phe kia. Kể từ đó, nhân dân Champa tự phân chia ra thành hai nhóm riêng biệt: phe theo Tây Sơn và phe theo Nguyễn Ánh. Đây là một yếu tố lịch sử đã gây ra bao tổn thương cho sự thống nhất chính trị và xã hội ở vương quốc Champa thời đó. Nhiều tư liệu lịch sử đã chứng minh rằng, sự khủng hoảng xã hội và chính trị ở Champa đã nâng lên đến mức tột đỉnh. Vừa Tây Sơn cả Nguyễn Anh, mỗi bên, đều tìm cách tấn phong những ai theo phe mình để cầm quyền Champa. Kể từ đó, sự tồn tại của

⁸¹ ĐNCBLT (Nhà Tây Sơn), 1970.

Tổng luận đầu sách

Champa với tư cách là một quốc gia độc lập đã trở thành một vấn đề mơ tưởng không tương lai, vì sự sống còn của vương quốc này hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Anh mà thôi⁸².

Vào năm 1793, nhờ sự hỗ trợ của Po Ladhunpaghuh (tức là Nguyễn Văn Hào trong biên niên sử Việt Nam), một quan lại gốc người Chăm đã từng cộng tác với nhà Nguyễn ở Gia Định, Nguyễn Ánh tiến quân chiếm lại vương quốc Champa do Tây Sơn kiểm soát. Trong trận chiến này, Nguyễn Ánh bắt được vua Champa Po Tisuntiraydapuran do Tây Sơn tấn phong đem về khu Đồng Nai để kết tội tử hình về tội làm tay sai cho ngụy quyền Tây Sơn⁸³. Chiến thắng năm 1793 cho phép Nguyễn Ánh kiểm soát dứt điểm miền nam chạy dài từ Khánh Hòa đến Gia Định trong đó có vương quốc Champa.

Sau ngày chiến thắng của Nguyễn Ánh vào năm 1793, Champa bắt đầu hưởng thụ một thời gian thanh bình, vì chiến tranh không còn tái diễn trên lãnh thổ của mình nữa. Dù là thanh bình, nhưng Champa vẫn là một căn cứ quân sự của Nguyễn Ánh để chuẩn bị tấn công Tây Sơn ở phía bắc Nha Trang. Được xem như là một hậu cứ quân sự quan trọng, Nguyễn Ánh tìm cách biến Champa thành quốc gia chư hầu đặt dưới quyền bảo hộ của mình. Vững vào năm 1793, Nguyễn Ánh ban cho Po Ladhunpaghuh (Nguyễn Văn Hào) tước Chương Cơ có trách nhiệm cai trị vương quốc Champa. Po Ladhunpaghuh là người đã từng theo Nguyễn Ánh rất sớm và từng tham gia trong các chiến trận chống chính quyền Champa theo Tây Sơn⁸⁴.

⁸² Po Dharma, 1983, tr. 253-263.

⁸³ ĐNTLCB, tập II, tr. 118 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 41 ; Po Dharma, 1978, tr. 148.

⁸⁴ ĐNTLCB, tập II, tr. 118 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 41 ; Po Dharma, 1978, tr. 148.

Tổng luận đầu sách

Mặc dù quân Tây Sơn không còn trên lãnh thổ Champa nữa, nhưng nền hòa bình vẫn còn xa vời đối với Champa thời đó. Năm 1796, Tuần Phu (hay Tuan Phaow trong văn bản Chăm) là người đã từng sinh sống ở Makah (Kelantan, Mã Lai) hô hào dân chúng nổi dậy bài trừ người Kinh tại Bình Thuận và chống lại chính sách của vua chúa Champa quá nghiêng về phe Nguyễn Ánh. Ai cũng biết, Po Ladhunpaghuh là thủ lĩnh của vương quốc, nhưng không có đủ quyền lực để bảo vệ quyền lợi của dân bản xứ Champa. Thêm vào đó, phủ Bình Thuận của nhà Nguyễn không ngừng kêu gọi người Kinh vào định cư hàng loạt trên lãnh thổ Champa. Đây là chính sách nhằm nuốt trọn trong tương lai những đất đai còn lại của Champa. Kể từ đó, dân số người Kinh càng ngày càng tăng trưởng nhanh chóng. Theo một số tư liệu, có khoản hơn 200 làng người Kinh ở Champa vào thời điểm đó. Sự hiện diện của người Kinh quá đông đảo ở phủ Bình Thuận đã biến địa bàn dân cư Champa thành một khu vực không còn biên giới cố định nữa. Nhiều gia đình người Kinh sống xen kẽ trong làng người Chăm. Ngược lại, một số làng người Chăm bị bao vây bởi cộng đồng dân cư người Kinh. Trước tình thế này, dân tộc Champa chỉ chờ ngày bị đồng hóa, vì sức ép quá mạnh của cộng đồng người Kinh, một tập thể có quyền lực trong tay và trang bị một đội ngũ quân lực hùng mạnh tại bán đảo Đông Dương thời đó⁸⁵.

Po Ladhunpaghuh bị bệnh nặng, xin từ chức vào tháng 2 năm Ngọ (1798) và từ trần vào tháng 10 năm Mùi (1799). Phó vương Po Saong Nyung Ceng (tức là Nguyễn Văn Chấn) là người lên kế vị Po Ladhunpaghuh. Po Saong Nyung Ceng là người bạn đồng hành của Nguyễn Ánh, đã từng giữ chức Khâm Sai Thống Binh Cai Cơ vào năm 1790 và đã từng điều khiển phong trào kháng chiến chống Tây Sơn. Chính vì thế, Po Saong Nyung Ceng được Nguyễn Ánh bổ nhiệm phó

⁸⁵ ĐNTLCB, tập I, tr. 251-255 ; CAM 58 (3) ; CAM MICROFILM 16 (1), CAM MICROFILM 56 (8) ; CAM MICROFILM 66 (1) ; CM 25 (4).

Tổng luận đầu sách

vương Champa vào năm 1794 và tấn phong làm quốc vương vào năm 1799⁸⁶.

⁸⁶ ĐNTLCB, tập II, tr. 124, 188, 211 ; ĐNNTC, tập 12, tr. 42 ; CM 20 (2) ; CM 29 (2) ; Po Dharma, 1978, tr. 157 ; Po Dharma, 1983, 258.

